

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: **4860** /SGDDĐT-KHTC
V/v lập, cập nhật Danh mục thông tin phải được công khai tại cơ quan, đơn vị theo Luật Tiếp cận thông tin

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Điện Biên, ngày **23** tháng 10 năm 2026*

Kính gửi:

- UBND các xã, phường;
- Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ Sở GDĐT;
- Các đơn vị thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin số 01/2026/QH16; Nghị định số 337/2026/NĐ-CP ngày 26/8/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin;

Căn cứ Kế hoạch số 4723/KH-UBND ngày 08/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Công văn số 3948/STP-PBGD&TDTHPL ngày 20/10/2026 của Sở Tư pháp về việc lập, cập nhật Danh mục thông tin phải được công khai tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, phường chỉ đạo các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý, yêu cầu các phòng, đơn vị thuộc Sở, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở thực hiện tốt một số nội dung sau:

1. Xác định đơn vị, cá nhân làm đầu mối cung cấp thông tin

a) Thủ trưởng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở xác định đơn vị, cá nhân làm đầu mối cung cấp thông tin của đơn vị mình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định số 337/2026/NĐ-CP; ưu tiên phân công công chức, viên chức phụ trách công nghệ thông tin, văn thư - lưu trữ, hành chính - tổng hợp, công tác pháp chế, bảo đảm có năng lực tổng hợp, am hiểu lĩnh vực chuyên môn được giao.

b) Đối với các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân các xã, phường, đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, phường chỉ đạo các cơ sở giáo dục trên địa bàn xác định đầu mối cung cấp thông tin, bảo đảm thực hiện đầy đủ trách nhiệm quy định tại Điều 6 Nghị định số 337/2026/NĐ-CP (tiếp nhận, xử lý yêu cầu cung cấp thông tin; theo dõi, đôn đốc; tổng hợp tình hình, kết quả công tác cung cấp thông tin).

c) Danh sách đầu mối cung cấp thông tin được công khai trên Cổng/Trang thông tin điện tử của đơn vị (nếu có); đồng thời niêm yết tại trụ sở, nơi tiếp công dân theo quy định tại điểm u khoản 1 Điều 17 Luật Tiếp cận thông tin.

2. Rà soát, phân loại thông tin phải được công khai

a) Từng đơn vị rà soát toàn bộ văn bản, hồ sơ, tài liệu do đơn vị mình tạo ra hoặc đang quản lý để xác định thông tin thuộc 19 nhóm thông tin phải được công khai quy định tại Điều 17 Luật Tiếp cận thông tin. Trong đó, lưu ý các nhóm thông tin có tính đặc thù của ngành như: chiến lược, kế hoạch, đề án, báo cáo công tác định kỳ của Sở, của đơn vị; văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính, thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo; tổ chức, biên chế, định mức, tiêu chuẩn, chế độ đối với công chức, viên chức, nhà giáo; dự toán, quyết toán ngân sách; mua sắm công, đầu tư công, tài sản công của đơn vị; thông tin chung về cơ sở giáo dục, thu - chi tài chính, điều kiện bảo đảm chất lượng, kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên; dịch vụ công trực tuyến, kế hoạch chuyển đổi số của đơn vị.

b) Trước khi chuyển thông tin cho đơn vị đầu mối, đơn vị chủ trì tạo ra thông tin có trách nhiệm rà soát, kiểm tra, loại bỏ thông tin công dân không được tiếp cận, thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 337/2026/NĐ-CP, bảo đảm không làm lộ bí mật nhà nước, bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, dữ liệu cá nhân, bí mật kinh doanh.

3. Lập Danh mục thông tin phải được công khai

a) Trên cơ sở kết quả rà soát, phân loại tại mục 2, đơn vị đầu mối cung cấp thông tin của từng đơn vị lập Danh mục thông tin phải được công khai theo Mẫu Danh mục ban hành kèm theo công văn này (áp dụng thống nhất với mẫu tại Công văn số 3948/STP-PBGD&TDTHPL ngày 20/10/2026 của Sở Tư pháp), gồm các nội dung: tên, số, ký hiệu của văn bản hoặc hồ sơ, tài liệu; ngày, tháng, năm tạo ra văn bản hoặc hồ sơ, tài liệu; hình thức công khai.

b) Trường hợp thông tin đang được công khai tại các cơ sở dữ liệu khác nhau hoặc đăng tải trên cổng/trang thông tin điện tử, Danh mục chỉ cần nêu tên văn bản hoặc tên hồ sơ, tài liệu và chỉ dẫn địa chỉ truy cập theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 337/2026/NĐ-CP.

c) Đối với thông tin đã được công khai trước ngày 01/9/2026, việc lập Danh mục thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 13/2018/NĐ-CP (đã hết hiệu lực từ ngày 01/9/2026, được thay thế bằng Nghị định số 337/2026/NĐ-CP): nêu tên, số, ký hiệu văn bản, hồ sơ, tài liệu; ngày, tháng, năm tạo ra văn bản kèm hình thức, thời điểm, thời hạn công khai (nếu có); địa chỉ truy cập đã đăng tải.

(Có Mẫu Danh mục thông tin phải được công khai kèm theo)

4. Công khai Danh mục thông tin phải được công khai

a) Các đơn vị, cơ sở giáo dục có cổng/trang thông tin điện tử riêng xây dựng Chuyên mục về tiếp cận thông tin theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 5 Nghị định số 337/2026/NĐ-CP để đăng tải Danh mục thông tin phải được công

khai, Quy chế cung cấp thông tin, đầu mối cung cấp thông tin và các tài liệu liên quan.

b) Đối với đơn vị chưa có cổng/trang thông tin điện tử riêng, thực hiện công khai Danh mục trên Cổng/Trang thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc của Ủy ban nhân dân xã, phường; đồng thời niêm yết tại bảng tin, nơi tiếp công dân của đơn vị theo quy định tại Điều 19 Luật Tiếp cận thông tin và khoản 4 Điều 7 Nghị định số 337/2026/NĐ-CP.

5. Ban hành hoặc lồng ghép Quy chế cung cấp thông tin

a) Các đơn vị trực thuộc Sở ban hành Quy chế cung cấp thông tin của đơn vị hoặc lồng ghép nội dung cung cấp thông tin vào quy chế làm việc, quy chế dân chủ hiện có theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 Nghị định số 337/2026/NĐ-CP, trong đó xác định rõ đầu mối cung cấp thông tin, việc chuyển giao thông tin của đơn vị tạo ra thông tin cho đầu mối, quy trình công khai thông tin, quy trình xử lý cung cấp thông tin theo yêu cầu.

b) Thời hạn hoàn thành ban hành Quy chế chậm nhất ngày 01/3/2027, theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 337/2026/NĐ-CP.

6. Nghiêm cấm hành vi vi phạm; xử lý thông tin đã công khai, cung cấp không chính xác

a) Trong quá trình thực hiện, các đơn vị không được thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 11 Luật Tiếp cận thông tin, trong đó có hành vi cung cấp hoặc công khai thông tin sai lệch, không đầy đủ; cố ý trì hoãn, cản trở việc công khai, cung cấp thông tin cho công dân theo quy định.

b) Trường hợp phát hiện thông tin đã công khai hoặc đã cung cấp theo yêu cầu không chính xác, không đầy đủ, đơn vị đầu mối cung cấp thông tin kịp thời xử lý theo quy định tại Điều 22 và Điều 28 Luật Tiếp cận thông tin và điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị định số 337/2026/NĐ-CP.

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, phường phối hợp chỉ đạo và yêu cầu các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở và nghiêm túc triển khai thực hiện, bảo đảm đúng nội dung, thời hạn theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Đăng Ninh

MẪU DANH MỤC THÔNG TIN PHẢI ĐƯỢC CÔNG KHAI

(Kèm theo Công văn số **4860**/SGDDĐT-KHTC ngày **23** /10/2026
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	Nhóm thông tin (theo Điều 17 Luật Tiếp cận thông tin)	Tên, số, ký hiệu văn bản hoặc hồ sơ, tài liệu	Ngày, tháng, năm ban hành	Hình thức công khai/Địa chỉ truy cập
I	Chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch phát triển; chương trình, kế hoạch công tác hằng năm; báo cáo công tác định kỳ			
II	Văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung; thủ tục hành chính, quy trình giải quyết công việc			
III	Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức; nội quy, quy chế; kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác; định mức, tiêu chuẩn, chế độ			
IV	Dự toán, tình hình thực hiện, quyết toán ngân sách nhà nước; báo cáo tài chính năm; thủ tục ngân sách nhà nước			
V	Phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ, viện trợ; quản lý, sử dụng các khoản cứu trợ, trợ cấp, đóng góp của Nhân dân, các loại quỹ			
VI	Hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp (nếu có)			

TT	Nhóm thông tin (theo Điều 17 Luật Tiếp cận thông tin)	Tên, số, ký hiệu văn bản hoặc hồ sơ, tài liệu	Ngày, tháng, năm ban hành	Hình thức công khai/Địa chỉ truy cập
VII	Tài sản công; mua sắm công; đầu tư công; kết quả lựa chọn nhà thầu			
VII I	Kết luận thanh tra, kiểm toán; công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí			
IX	Xử phạt vi phạm hành chính gây hậu quả lớn hoặc ảnh hưởng xấu dư luận xã hội (nếu có)			
X	Thông tin về quy hoạch (nếu có)			
XI	Kế hoạch sử dụng đất; thu hồi đất liên quan đến đơn vị (nếu có)			
XII	Nhà ở (không áp dụng/áp dụng tùy đơn vị)			
XII I	Thông tin liên quan sức khỏe, an toàn cộng đồng (nếu có)			
XI V	Thông tin chung về cơ sở giáo dục; thu, chi tài chính; điều kiện bảo đảm chất lượng; kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên			
XV	Môi trường, phòng chống sự cố môi trường (nếu có)			
XV I	Di sản văn hóa (nếu có)			
XV II	Tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức; đề tài khoa học; hồ sơ, tài liệu lưu trữ			
XV	Dịch vụ sự nghiệp			

TT	Nhóm thông tin (theo Điều 17 Luật Tiếp cận thông tin)	Tên, số, ký hiệu văn bản hoặc hồ sơ, tài liệu	Ngày, tháng, năm ban hành	Hình thức công khai/Địa chỉ truy cập
III	công, dịch vụ công trực tuyến của đơn vị			
XI X	Kế hoạch chuyển đổi số; tiêu chuẩn, quy chuẩn nền tảng số dùng chung; kết quả chuyển đổi số			
